

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI
CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 08/05/2021

STT	Mã HV	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Kết quả môn học				Ghi chú
					Tiến độ 1 (20%)	Tiến độ 2 (20%)	Cuối kỳ (60%)	Kết luận	
1	20007920	Lê Trung Hiếu	16/08/1992	Khoa học dữ liệu	6.0	5.5	6.0	5.9	Đạt
2	20007904	Nguyễn Thanh Tùng	29/01/1992	Khoa học dữ liệu	8.0	6.5	7.0	7.1	Đạt
3	20007915	Cao Ngọc Khương	01/11/1993	Khoa học dữ liệu	8.0	6.5	6.5	6.8	Đạt
4	20007907	Nhâm Thị Trang	09/10/1995	Khoa học dữ liệu	7.0	5.5	5.0	5.5	Đạt
5	20007922	Lê Thị Mỹ Hạnh	02/03/1981	Khoa học dữ liệu	8.0	6.0	6.0	6.4	Đạt
6	20007919	Phạm Quang Hiếu	24/09/1994	Khoa học dữ liệu	6.0	6.5	6.5	6.4	Đạt
7	20007916	Ngô Văn Khôi	15/09/1995	Khoa học dữ liệu	6.0	7.0	7.0	6.8	Đạt
8	19007922	Nguyễn Phương Nam	05/06/1993	Khoa học dữ liệu	6.0	6.0	6.5	6.3	Đạt
9	19007919	Đặng Ngọc Uyên	01/12/1995	Khoa học dữ liệu	5.5	7.0	6.5	6.4	Đạt
10	19007920	Phạm Thanh Tùng	06/09/1991	Khoa học dữ liệu	7.0	7.0	6.5	6.7	Đạt
11	19007926	Tô Mạnh Hoàng	05/12/1992	Khoa học dữ liệu	8.0	6.0	6.0	6.4	Đạt
12	19007927	Lê Thị Hồng Hạnh	01/01/1996	Khoa học dữ liệu	5.5	7.0	7.5	7.0	Đạt
13	20007985	Hoàng Nhân Nghĩa	21/07/1997	Vật lý vô tuyến và điện	7.0	6.0	6.0	6.2	Đạt
14	19007900	Chu Thị Toàn Năng	13/01/1984	Vật lý nhiệt	6.0	6.0	6.5	6.3	Đạt
15	20007971	Phan Thị Đào	15/03/1997	Kỹ thuật hóa học	5.5	6.0	6.5	6.2	Đạt
16	20007982	Lê Thị Đào	16/11/1992	Hóa môi trường	6.5	5.5	6.0	6.0	Đạt
17	20007983	Trần Thị Quỳnh Vân	19/07/1985	Hóa hữu cơ	7.0	7.0	6.5	6.7	Đạt
18	20007984	Tô Phương Linh	23/07/1997	Hóa hữu cơ	6.0	6.5	7.0	6.7	Đạt
19	20007973	Đinh Thị Thảo	02/02/1991	Hóa vô cơ	6.0	6.0	6.5	6.3	Đạt
20	20007974	Nguyễn Thị Ngân	06/07/1993	Hóa vô cơ	6.5	6.0	6.0	6.1	Đạt
21	20007884	Kiều Thị Lan Phương	28/12/1998	Hóa phân tích	6.5	6.0	6.0	6.1	Đạt
22	19007969	Ngô Hoài Thương	14/05/1996	Hóa phân tích	6.5	6.5	5.5	5.9	Đạt
23	19007890	Dương Thị Thanh Hoa	25/05/1997	Hóa dầu	6.0	7.0	6.0	6.2	Đạt
24	19007971	Phạm Thúy Nga	11/01/1996	Hóa phân tích	5.5	6.5	5.5	5.7	Đạt
25	19007892	Vũ Ngọc Tú	11/02/1986	Hóa phân tích	6.0	6.5	6.5	6.4	Đạt
26	NCS.2016	Vũ Hải Sâm	05/05/1979	PTVP&TP	7.5	6.5	5.5	6.1	Đạt
27	20007960	Lê Thị Thu Hương	13/02/1981	Địa lý học	6.0	6.5	6.0	6.1	Đạt
28	20007878	Lê Thị Thanh Huệ	16/09/1997	Công nghệ sinh học	5.0	8.5	5.2	5.8	Đạt
29	20007969	Phạm Thị Linh	21/02/1995	Công nghệ sinh học	5.5	8.0	4.7	5.5	Đạt
30	20007873	Thân Thảo Nguyên	07/09/1998	Công nghệ sinh học	6.5	8.7	7.4	7.5	Đạt
31	20007872	Trần Hồng Nhung	30/11/1998	Công nghệ sinh học	6.0	8.7	7.6	7.5	Đạt
32	20007870	Lê Đức Sơn	31/01/1998	Công nghệ sinh học	5.5	8.2	7.1	7.0	Đạt
33	20007869	Lê Ngọc Thúy	08/06/1995	Công nghệ sinh học	6.0	8.5	6.8	7.0	Đạt
34	20007968	Hoàng Anh Hà	04/07/1993	Di truyền học	4.5	8.0	6.6	6.5	Đạt
35	20007966	Nguyễn Trường An	09/07/1990	Động vật học	6.5	8.5	6.8	7.1	Đạt
36	20007965	Hoàng Thị Ngọc Anh	21/04/1997	Sinh học thực nghiệm	4.0	7.7	6.9	6.5	Đạt
37	20007864	Lưu Trần Đông	05/04/1997	Sinh học thực nghiệm	4.0	8.5	6.6	6.5	Đạt
38	20007863	Nguyễn Thị Hải Hà	29/07/1998	Sinh học thực nghiệm	5.0	8.7	8.0	7.5	Đạt
39	20007862	Khuất Hoàng Thùy Linh	13/01/1998	Sinh học thực nghiệm	2.5	7.7	5.5	5.3	Đạt
40	20007962	Trần Thị Hồng Thắm	12/01/1988	Sinh học thực nghiệm	4.5	8.5	7.3	7.0	Đạt
41	20007858	Nguyễn Khương Duy	09/07/1998	Thực vật học	3.5	8.5	4.8	5.3	Đạt
42	20007857	Đặng Minh Tú	27/08/1993	Thực vật học	3.5	7.7	5.4	5.5	Đạt
43	20007856	Tô Minh Tứ	12/02/1996	Thực vật học	4.0	7.0	6.3	6.0	Đạt
44	20007855	Phạm Thùy Dương	05/11/1998	Vi sinh vật học	3.5	8.2	8.2	7.3	Đạt
45	20007874	Nguyễn Trung Kiên	23/06/1997	Công nghệ sinh học	4.5	8.2	7.6	7.1	Đạt
46	20007868	Nguyễn Văn Hòa	07/09/1991	Di truyền học	3.5	7.0	7.1	6.4	Đạt

47	20007810	Lê Văn Tuấn	30/05/1996	Hải dương học	4.0	8.0	7.0	6.6	Đạt
48	20007819	Nguyễn Thị Liên	30/03/1991	Thủy văn học	4.0	8.0	5.7	5.8	Đạt
49	20007845	Nguyễn Minh Cường	30/05/1996	Khí tượng học	3.5	8.0	6.1	6.0	Đạt
50	20007842	Trần Minh Hiếu	11/01/1996	Khí tượng học	4.0	7.7	6.6	6.3	Đạt
51	20007839	Vũ Thị Mai Hoa	26/10/1998	Khí tượng học	4.5	8.5	7.2	6.9	Đạt
52	20007827	Thái Thị Bé Vân	20/09/1998	Khí tượng học	4.0	7.5	6.7	6.3	Đạt
53	20007818	Lê Hà My	15/10/1995	Thủy văn học	5.0	8.7	7.6	7.3	Đạt
54	19007948	Nguyễn Anh Nam	23/06/1995	Thủy văn học	4.5	7.5	4.7	5.2	Đạt
55	20007836	Nguyễn Việt Hưng	11/06/1996	Khí tượng học	4.5	7.5	5.3	5.6	Đạt
56	20007799	Phạm Hà Ngân	02/08/1994	Khoa học môi trường	3.5	7.5	4.6	5.0	Đạt
57	20007953	Ngô Mỹ Linh	02/07/1996	Khoa học môi trường	4.5	7.5	7.2	6.7	Đạt
58	20007807	Nguyễn Thị Hiền	29/07/1996	Khoa học môi trường	4.0	8.5	7.3	6.9	Đạt
59	20007947	Nguyễn Tiên Đạt	31/08/1995	Kỹ thuật môi trường	5.5	8.0	6.5	6.6	Đạt
60	20007793	Nguyễn Trung Đức	28/04/1998	Kỹ thuật môi trường	6.5	8.7	6.0	6.6	Đạt
61	20007946	Lê Thị Thảo	20/10/1987	Kỹ thuật môi trường	6.5	8.5	7.1	7.3	Đạt
62	20007945	Đậu Thị Thương	10/02/1994	Kỹ thuật môi trường	6.5	8.5	7.3	7.4	Đạt
63	18007793	Nguyễn Ngọc Hân	08/05/1983	Vi sinh vật học	3.5	7.5	5.0	5.2	Đạt
64	NCS2016	Nguyễn Tiên Thành	30/05/1982	Vật liệu điện tử	7.5	8.2	6.9	7.3	Đạt

Danh sách gồm: 64 học viên